

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Anh Đ, sinh năm 1988, cư trú tại: Số 152, ấp 2A, xã T.Ấ, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Hoàng M, sinh năm 1973, cư trú tại: Số 05, tổ 3, ấp 3, xã Phước Đông, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị Anh Đ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà Đ và ông M tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T.Ấ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01, ngày 17/12/2008. Hôn nhân của vợ chồng bà là do mai mối, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới nhau, vợ chồng bà về chung sống với gia đình ông M. Do giữa bà Đ và ông M không có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn nên khi về sống chung bà Đ nhận cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tính tình hai người không hòa hợp, vợ chồng thường cãi nhau, thậm chí xảy ra xô xát. Ông M không có trách nhiệm với vợ con, thu nhập của ông M chỉ để sử dụng cho riêng ông M, không đưa tiền sinh hoạt cho bà Đ để lo cho con. Mặc dù bà Đ đã trao đổi với ông M nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà Đ đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Bà Đ nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ và ông M được ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà Đ và ông M chung sống có hai người con chung tên Võ

Hoàng Khang, sinh ngày 21/12/2009 và Võ Thị M Vy, sinh ngày 01/8/2015. Trong thời gian ly thân, cháu Khang sống với ông M, còn cháu Vy sống với bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vy, giao cháu Khang cho ông M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Đ xác định không có.

Về nợ chung: Bà Đ xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Hoàng M. Ông M không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà Đ và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Đỗ Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng M, ông M có nơi cư trú tại Ấp 3, xã Phước Đông, huyện C nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Võ Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[2] Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Anh Đ và ông Võ Hoàng M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T.Â cấp giấy chứng nhận kết hôn 97, quyển số 01, ngày 17/12/2008, nên xác định hôn nhân giữa bà Đ và ông M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân của vợ chồng bà là do mai mối. Do giữa bà Đ và ông M không có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn nên khi về sống chung bà Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tính tình hai người không hòa hợp, vợ chồng thường cãi nhau, thậm chí xảy ra xô xát. Ông M không có trách nhiệm với vợ con, thu nhập của ông M chỉ để sử dụng cho riêng ông M, không đưa tiền sinh hoạt cho bà Đ để lo cho con. Mặc dù bà Đ đã trao đổi với ông M nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà Đ đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M không đến Tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M. Hội đồng xét xử xét thấy cả bà Đ và ông M đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông M không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông M.

[3] Về nuôi con chung: Bà Đ và ông M chung sống có hai người con chung tên Võ Hoàng Khang, sinh ngày 21/12/2009 và Võ Thị Minh V, sinh ngày 01/8/2015. Trong thời gian ly thân, cháu Khang sống với ông M, còn cháu V sống với bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, giao cháu Khang cho ông M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Khang có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn, đối với cháu V hiện nay sống với bà Đ và bà Đ cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V. Về phía ông M, ông M lại không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cháu Khang cho ông M nuôi dưỡng và cháu Vy cho bà Đ nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà Đ không có yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, còn ông M không

có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ trình bày bà và ông M không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông M không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Anh Đ về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Võ Hoàng M.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Anh Đ được ly hôn với ông Võ Hoàng M.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Anh Đ nuôi dưỡng người con chung tên Võ Thị M V, sinh ngày 01/8/2015; Giao cho ông Võ Hoàng M nuôi dưỡng người con chung tên Võ Hoàng Khang, sinh ngày 21/12/2009. Bà Đỗ Thị Anh Đ và ông Võ Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0009718 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T.Ấ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

